

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VỊ THANH
TỈNH HẬU GIANG**

Bản án số: 79/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 10-4-2019

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VỊ THANH, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Tuyết Mai.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Tạ Hồng Thái.

Ông Nguyễn Khải Hoàng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lý Sơn Thanh Phong. Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang.

Ngày 10 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vị Thanh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 04/2019/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2019. về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2019/QĐXX-ST ngày 19 tháng 02 năm 2019 và quyết định và quyết định hoãn phiên tòa số: 18/2019/QĐST ngày 15 tháng 3 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị S.

Địa chỉ: ấp 1A, xã Vị Đông, huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang, có mặt.

2. Bị đơn: Anh Phạm Thanh H.

Địa chỉ: khu vực 4, phường VII, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 26 tháng 12 năm 2018 nguyên đơn chị Trần Thị S trình bày: Chị và anh Phạm Thanh H chung sống từ năm 2012 có đăng ký kết

hôn tại Ủy ban nhân dân phường VII, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, đến năm 2015 phát sinh mâu thuẫn do anh H không lo làm ăn dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Đến năm 2016 chị S và anh H ly thân đến nay. Chị Trần Thị S yêu cầu ly hôn với anh Phạm Thanh H.

Con chung: Có 01 con chung tên Phạm Nhựt Th, sinh ngày 19/7/2012. Chị S yêu cầu được nuôi con, chưa yêu cầu anh H cấp dưỡng.

Tài sản chung: Không có

Nợ chung: Không có.

Tài liệu chứng cứ kèm theo yêu cầu khởi kiện: giấy chứng minh nhân dân (pho to), giấy chứng nhận kết hôn (bản chính), sổ hộ khẩu (bản sao), giấy khai sinh (bản sao).

Quá trình thu thập chứng cứ: Bị đơn anh Phạm Thanh H vắng mặt, dù Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh H theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn chị Trần Thị S trình bày và giữ nguyên yêu cầu như quá trình thu thập chứng cứ; Bị đơn anh Phạm Thanh H vắng mặt, chưa thể hiện ý kiến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Tố tụng: Chị Trần Thị S có gửi đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Phạm Thanh H và được nuôi con chung, nên Tòa xác định quan hệ tranh chấp là Ly hôn, nuôi con. Đây là vụ án về hôn nhân gia đình, căn cứ theo điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án trên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp huyện. Địa chỉ của bị đơn anh Phạm Thanh H tại khu vực 4, phường VII, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án nhân dân thành phố Vị Thanh giải quyết là hoàn toàn phù hợp quy định pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay, anh Phạm Thanh H dù được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 02, nH vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh H.

[2]. Quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị S và anh Phạm Thanh H chung sống từ năm 2012 có đăng ký kết hôn, nên hôn nhân của chị S, anh H là hợp pháp. Ngày 26/12/2018 chị Trần Thị S có yêu cầu ly hôn, vì cho rằng hôn nhân không hạnh phúc, do anh H không lo làm ăn nên vợ chồng thường xuyên bất hòa hay cãi vã. Anh Phạm Thanh H chưa thể hiện ý kiến. Theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình “Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện công việc trong gia đình; Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau.....” nH theo thừa nhận của chị Trần Thị S nếu tiếp tục chung sống với anh H cũng không hạnh phúc và hiện tại chị và anh H đã ly thân từ năm 2016, trong thời gian ly thân anh chị không có sự quan tâm với nhau. Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân của chị S, anh H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị S.

[3]. Con chung: Chị Trần Thị S khai có 01 con chung tên Phạm Nhật Th, sinh ngày 19/7/2012, anh Phạm Thanh H vắng mặt chưa thể hiện ý kiến. Thấy rằng, chị S đã cung cấp chứng cứ là giấy khai sinh cháu Phạm Nhật Th để chứng minh cháu Th là con của chị S và anh H. Nên xác định, cháu Phạm Nhật Th là con chung của chị Trần Thị S và anh Phạm Thanh H. Chị S có yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Th. Xét thấy, từ khi chị S, anh H ly thân cháu Th sống chung với chị S và theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình “Vợ chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con...”. Từ khi chị S anh H ly thân cháu Th sống với chị S, Tòa cũng đã thông báo cho anh H biết yêu cầu khởi kiện của chị S, nhưng anh H không thể hiện ý kiến. Do vậy, giao cháu Phạm Nhật Th, sinh ngày 19/7/2012 cho chị S trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp.

[4]. Cấp dưỡng: Chị Trần Thị S trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Phạm Nhật Th, nhưng chị S chưa yêu cầu cấp dưỡng, nên Tòa chưa xem xét.

[5]. Tài sản chung: Chị Trần Thị S khai không có, nên không xem xét.

[6]. Nợ chung: Chị Trần Thị S khai không có, nên không xem xét.

[7]. Án phí sơ thẩm: Chị Trần Thị S nộp theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 177, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng: Điều 19, Điều 56, Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình.

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Trần Thị S. Chị Trần Thị S được ly hôn với anh Phạm Thanh H.

2. Con chung: Chị Trần Thị S trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Phạm Nhật Th, sinh ngày 19/7/2012. Anh Phạm Thanh H có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung Phạm Nhật Th không ai được cản trở.

3. Án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu ly hôn: Chị Trần Thị S chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng. Chuyển số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng chị S đã nộp tạm ứng án phí khởi kiện theo biên lai thu số 0020142 ngày 07/01/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vị Thanh thành án phí.

4. Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn vắng mặt thời hạn kháng cáo là 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP Vị Thanh;
- Chi cục THADS TP Vị Thanh;
- UBND phường VII, TPVT, Hậu Giang;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phạm Thị Tuyết Mai